



PHIẾU DỮ LIỆU AN TOÀN

1. Nhận dạng

Thông tin quan trọng	*** Bảng dữ liệu an toàn này chỉ dành cho HP sử dụng với các sản phẩm HP Chính hãng. Mọi hành vi sử dụng trái phép Bảng dữ liệu an toàn này đều bị nghiêm cấm và có thể dẫn đến hành động pháp lý do HP thực hiện. ***	
Mã định danh sản phẩm	CN751Series	
Các hình thức nhận dạng khác		
Số EC	203-933-3	
Từ Đồng Nghĩa	HP Scitex MF10 Chất làm sạch	
Công dụng đề nghị	In phun	
Các giới hạn đề nghị	Chưa được biết.	
Thông tin về Nhà Sản Xuất/Nhập Khẩu/Cung Cấp/Phân Phối	Hewlett-Packard Vietnam Ltd. Suite 1002, 29 Lê Duẩn, Saigon Tower, tầng 10, District 1, Ho Chi Minh city, Ho Chi Minh (Sai Gon), Việt Nam	
Điện Thoại	+84437245550	
HP Inc. health effect line		
(Toll-free within US)	1-800-457-4209	
(Direct)	1-760-710-0048	
HP Inc. Customer Care Line		
(Toll-free within the US)	1-800-474-6836	
(Direct)	1-208-323-2551	
Email:	hpcustomer.inquiries@hp.com	

2. Nhận diện các hiểm họa

Hiểm Họa Vật Lý	Chất lỏng dễ cháy	Loại 4
Hiểm Họa Cho Sức Khỏe	Độc tính cấp, qua miệng	Loại 4
	Độc tính cấp, qua da	Loại 4
	Độc tính cấp, qua hô hấp	Loại 4
Các hiểm họa cho môi trường	Không được phân loại.	
Các thành phần của nhãn		



Từ cảnh báo	Cảnh báo	
Công bố hiểm họa	Chất lỏng có thể cháy. Có hại nếu nuốt phải. Có hại khi tiếp xúc với da. Có hại khi hít phải.	
Thông điệp đề phòng		
Phòng Ngừa	Tránh xa nhiệt/tia lửa/ngọn lửa trần/các bề mặt nóng. Không hút thuốc. Sử dụng găng tay bảo hộ/trang phục bảo hộ/phương tiện bảo vệ mắt/phương tiện bảo vệ mặt Tránh hít bụi/khói/khí/sương/các hơi/bụi xịt. Rửa tay thật sạch sau khi xử lý. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi đang sử dụng sản phẩm này. Chỉ dùng ngoài trời hoặc ở nơi thông khí tốt.	
Ứng phó	Trong trường hợp cháy: Dùng Cát, carbon dioxide (CO2) or dry chemical để dập lửa. NẾU NUỐT PHẢI: Gọi cho một TRUNG TÂM ĐỘC CHẤT /bác sĩ nếu bạn thấy không được khỏe. NẾU BỊ ĐÍNH VÀO DA: Rửa bằng nhiều xà phòng và nước. NẾU HÍT PHẢI: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ngơi trong một tư thế dễ thở. Súc miệng. Giặt sạch quần áo ô nhiễm rồi mới được dùng lại.	
Bảo Quản	Bảo quản ở nơi thông khí tốt. Giữ mát.	
Thải bỏ	Vứt bỏ vật chứa bên trong/thùng chứa tuân theo các quy định địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.	

Các hiểm họa khác không cần phải được phân loại

Các đường phơi nhiễm tiềm ẩn đối với sản phẩm này bao gồm tiếp xúc với da và mắt, nuốt vào và hít vào.

Thông tin thêm

Không có.

3. Thành phần/ thông tin về các phụ liệu

Các hóa chất

Tên Hóa Chất	Tên thông dụng và từ đồng nghĩa	Số CAS / Số EC	%
2-Butoxyethyl axetat		112-07-2 203-933-3	100%

4. Các biện pháp sơ cứu

Hít phải	Đưa người này ra nơi có không khí trong lành ngay lập tức. Nếu triệu chứng vẫn còn, nhận chăm sóc y tế ngay lập tức.
Tiếp xúc với da	Trong trường hợp tiếp xúc, cởi bỏ ngay lập tức quần áo bị nhiễm bẩn và rửa da bằng nhiều nước. Giặt riêng quần áo trước khi sử dụng. Cần được chăm sóc y tế, nếu cần.
Tiếp xúc với mắt	Trong trường hợp tiếp xúc với mắt, tháo kính áp tròng và rửa ngay lập tức bằng nhiều nước, cả bên dưới mí mắt, trong thời gian ít nhất là 15 phút. Tìm gặp y bác sĩ ngay để được chăm sóc điều trị.
Ăn phải	Súc miệng bằng nước. Nếu nuốt phải vật liệu, nhận chăm sóc hoặc tư vấn y tế ngay lập tức – Không gây nôn. Không đưa bất cứ cái gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh. Tìm gặp y bác sĩ ngay để được chăm sóc điều trị.
Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và chậm xuất hiện	Không có dữ liệu.

5. Các biện pháp cứu hỏa

Các chất chữa cháy phù hợp	Đối với các đám cháy nhỏ (mới bắt đầu), hãy sử dụng vật liệu chữa cháy như bột, cát, hóa chất khô hoặc cacbon dioxit. Đối với các đám cháy lớn, hãy sử dụng lượng lớn (làm ngập) nước và/hoặc bọt, dưới dạng sương hoặc phun,
Chất chữa cháy không phù hợp	Không có dữ liệu.
Hiểm họa đặc trưng phát sinh từ hóa chất	Không áp dụng.
Trang bị bảo hộ đặc biệt cho nhân viên chữa cháy	Lính cứu hỏa phải mặc quần áo bảo hộ đầy đủ kể cả bình thở khí nén. Tránh để chảy vào cống thoát nước mưa và mương, mà sẽ dẫn đến đường nước.
Các chỉ dẫn/trang thiết bị cứu hỏa	Di chuyển thùng chứa ra khỏi khu vực cháy nếu bạn có thể làm việc đó mà không nguy hiểm.

6. Các biện pháp xử lý rò rỉ bất ngờ

Các biện pháp đề phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp	Tránh tiếp xúc với da. Tránh hít hơi nước hoặc sương. Không đứng chạm hoặc bước qua vật liệu bị tràn đổ. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Loại bỏ tất cả các nguồn đánh lửa. Sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân để giảm thiểu sự phơi nhiễm với da và mắt. Trong trường hợp có sự tạo ra hơi, sử dụng mặt nạ phòng hơi độc có bộ lọc đã được phê chuẩn.
Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch	Không có dữ liệu.
Các biện pháp đề phòng cho môi trường	Không xả vào nguồn nước mặt hay hệ thống cống vệ sinh.

7. Thao tác và bảo quản

Các biện pháp đề phòng cho thao tác an toàn	Tránh tiếp xúc với da, mắt và quần áo. Tránh hít hơi hoặc sương của sản phẩm này. Sử dụng với sự thông gió đầy đủ Mặc các thiết bị bảo hộ cá nhân.
Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi tính chất tương kỵ	Đóng kín các bình chứa và để tại nơi khô ráo, mát mẻ và thông gió tốt. Để cách xa nhiệt, tia lửa và ngọn lửa.

8. Kiểm soát việc tiếp xúc / bảo hộ cá nhân

Các giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp

Các Ngưỡng Giới Hạn của Hiệp Hội Vệ Sinh Công Nghiệp Hoa Kỳ (ACGIH), Hoa Kỳ

Vật liệu	Loại	Giá trị
CN751Series	TWA	20 ppm

Các Ngưỡng Giới Hạn của Hiệp Hội Vệ Sinh Công Nghiệp Hoa Kỳ (ACGIH), Hoa Kỳ

Thành phần	Loại	Giá trị
2-Butoxyetyl axetat (CAS 112-07-2)	TWA	20 ppm
Các giá trị giới hạn sinh học	Không có giới hạn tiếp xúc sinh học nào đáng lưu ý cho (các) thành phần.	
Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp	Không có dữ liệu.	
Các biện pháp bảo vệ cá nhân, như trang bị bảo hộ cá nhân		
Biện pháp bảo vệ mắt/mặt	Đeo kính an toàn; mặt nạ chống hóa chất (nếu có thể có bắn tóe). Nên có điệm rửa mắt và các phòng tắm khăn cấp.	
Bảo vệ da		
Bảo vệ tay	Găng tay khuyến nghị: Nitrile có độ dày tối thiểu 6 mil.	
Khác	Mặc quần áo chống hóa chất thích hợp.	
Bảo vệ đường hô hấp	Thực hiện thông khí đầy đủ. Trong trường hợp không có đủ hệ thống thông khí, đeo thiết bị thở thích hợp.	
Các hiểm họa nhiệt	Không có dữ liệu.	
Các lưu ý vệ sinh chung	Không để vật liệu này tiếp xúc với da. Tránh tiếp xúc với da, mắt và quần áo. Không ăn, uống, hút thuốc khi sử dụng. Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và ngay sau khi thao tác với sản phẩm. Giặt sạch quần áo nhiễm hóa chất rồi mới được dùng lại.	

9. Tính chất lý hóa**Ngoại Quan**

Trạng thái vật lý	Chất lỏng.
Dạng	Chất lỏng.
Màu	Trong.
Mùi	Dung môi.
Ngưỡng phát hiện mùi	Không có dữ liệu.
pH	2.2 - 3.8 Mettler Toledo pH Meter. 10 g/l, H ₂ O, 20 °C
Điểm chảy/điểm đông	-63.5 °C (-82.3 °F)
Điểm và vùng nhiệt độ sôi ban đầu	192 °C (377.6 °F)
Điểm chớp cháy	> 74.0 °C (> 165.2 °F) Ly kín Tag Phương pháp D 56
Tốc độ bay hơi	Không có dữ liệu.
Khả năng cháy (rắn, khí)	Không có dữ liệu.
Giới hạn cháy trên/dưới hoặc các giới hạn nổ	
Giới hạn cháy - dưới (%)	Không có dữ liệu.
Giới hạn cháy - trên (%)	Không có dữ liệu.
Giới hạn nổ - dưới (%)	Không có dữ liệu.
Giới hạn nổ - trên (%)	Không có dữ liệu.
Áp suất hơi	0.4 hPa @ 20°C
Tỷ khối hơi	6
(Các) độ tan	
Tính tan (nước)	2 %
Hệ số phân tách (n-octanol/nước)	1.57
Nhiệt độ tự bốc cháy	340.56 °C (645 °F)
Nhiệt độ phân hủy	Không có dữ liệu.
Độ nhớt	1.6 cP Brookfield Viscometer (± 0.5) Nhiệt độ 22°C. Spindle # 18 (S18) RPM 100. Wait approx 10 min to take the reading
Thông tin khác	
Công thức phân tử	C ₈ -H ₁₆ -O ₃
Trọng Lượng Phân Tử	160
Hợp Chất Hữu Cơ Dễ Bay Hơi	< 940 g/l Được tính

10. Độ bền và khả năng phản ứng

Khả năng phản ứng	Không có dữ liệu.
Độ bền hóa học	Ổn định ở điều kiện bình thường.
Khả năng gây phản ứng nguy hiểm	Chưa được biết.
Các điều kiện cần tránh	Nhiệt, lửa và tia lửa.
Các vật liệu tương kỵ	Sản phẩm này có thể phản ứng với các chất oxy hóa mạnh. Phản ứng với không khí để tạo ra ôxi già. các chất oxi hóa
Các sản phẩm phân hủy gây nguy hiểm	ô xi già.

11. Thông tin về độc tính

Thông tin về các lộ trình tiếp xúc có khả năng xảy ra

Hít phải	Có hại khi hít phải.
Tiếp xúc với da	Có hại khi tiếp xúc với da.
Tiếp xúc với mắt	Tiếp xúc với mắt có thể gây nên kích ứng nhẹ.
Ăn phải	Việc nuốt vào bụng không phải là đường phơi nhiễm có thể.

Triệu chứng liên quan đến tính chất vật lý, hóa học và độc tính. Không có dữ liệu.

Thông tin về các tác dụng độc

Độc tính cấp tính Có hại khi hít phải. Có hại nếu nuốt phải. Có hại khi tiếp xúc với da.

Thành phần	Loài	Kết quả thử nghiệm
------------	------	--------------------

2-Butoxyetyl axetat (CAS 112-07-2)

Cấp tính

Da

LD50

Thỏ

1500 mg/kg

Ăn mòn/kích ứng da Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.

Gây tổn thương mắt /kích ứng mắt nghiêm trọng Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.

Gây mẫn cảm đường hô hấp hoặc da

Gây mẫn cảm đường hô hấp Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.

Gây mẫn cảm da Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.

Khả năng gây đột biến tế bào mầm Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.

Khả năng gây ung thư Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.

Các chất gây ung thư theo Hiệp Hội Vệ Sinh Công Nghiệp Hoa Kỳ (ACGIH)

2-Butoxyetyl axetat (CAS 112-07-2)

A3 Chất đã được xác nhận là gây ung thư ở động vật nhưng không rõ có gây ung thư ở người hay không.

Độc tích sinh sản Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.

Độc tính đối với cơ quan tác dụng đặc hiệu đến sau một lần tiếp xúc Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.

Độc tính đối với cơ quan tác dụng đặc hiệu đến sau lần tiếp xúc lại Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.

Hiểm họa hít phải Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.

Thông tin khác Không có dữ liệu độc tính đầy đủ cho công thức cụ thể này

12. Thông tin về sinh thái

Độc tố thủy sinh Không có thông tin.

Độc tính sinh thái Không có thông tin.

Độ Bền Và Khả Năng Phân Hủy Không có dữ liệu.

Khả năng tích tụ sinh học Không có dữ liệu.

Hệ Số Phân Tách octanol/nước log Kow

CN751Series

1.57

Di chuyển trong đất	Không có dữ liệu.
Các tác dụng có hại khác	Không có dữ liệu.

13. Các cân nhắc khi thải bỏ

Các Hướng Dẫn Thải Bỏ	Không thải bỏ cùng với rác thải thông thường của văn phòng. Không để vật liệu này chảy vào đường ống thoát nước/nguồn nước. Thải bỏ vật liệu phế thải theo các quy định của Địa phương, Tiểu bang, Liên bang và Quy định về Môi trường của Tỉnh. Đảm bảo thực hiện thu gom và thải bỏ với một nhà thầu xử lý rác thải có giấy phép thích hợp.
Chất thải từ cặn lắng/ sản phẩm không sử dụng	Không có dữ liệu.
Bao bì bị ô nhiễm	Không có dữ liệu.

14. Thông tin về việc vận chuyển

Bộ Giao Thông Vận Tải (DOT)

Mã UN (của Liên Hiệp Quốc)	NA1993
Tên riêng dùng trong vận chuyển của Liên Hợp Quốc (UN)	Combustible Liquid n.o.s. (Ethylene Glycol, Monobutyl Ether Acetate) - not regulated in quantities less than 119 gallons.
(các) nhóm hiểm họa vận chuyển	
Nhóm	Combustible
Nguy cơ phụ	-
Nhóm Đóng Gói	III
Các biện pháp đề phòng đặc biệt cho người dùng	Phân loại DOT chỉ áp dụng cho việc vận chuyển bên trong Hoa Kỳ và Puerto Rico.

IATA

Mã UN (của Liên Hiệp Quốc)	Không có dữ liệu.
Tên riêng dùng trong vận chuyển của Liên Hợp Quốc (UN)	Không Được Quy Định
(các) nhóm hiểm họa vận chuyển	
Nhóm	Không có dữ liệu.
Nguy cơ phụ	-
Nhóm Đóng Gói	Không có dữ liệu.
Các hiểm họa cho môi trường	Không
Các biện pháp đề phòng đặc biệt cho người dùng	Không có dữ liệu.

IMDG

Mã UN (của Liên Hiệp Quốc)	Không có dữ liệu.
Tên riêng dùng trong vận chuyển của Liên Hợp Quốc (UN)	Không Được Quy Định
(các) nhóm hiểm họa vận chuyển	
Nhóm	Không có dữ liệu.
Nguy cơ phụ	-
Nhóm Đóng Gói	Không có dữ liệu.
(các) nhóm hiểm họa vận chuyển	
Chất Ô Nhiễm Biển	Không
Dịch Vụ Cấp Cứu Y Tế	Không có dữ liệu.
Các biện pháp đề phòng đặc biệt cho người dùng	Không có dữ liệu.

ADR

Mã UN (của Liên Hiệp Quốc)	Không có dữ liệu.
Tên riêng dùng trong vận chuyển của Liên Hợp Quốc (UN)	Không Được Quy Định
(các) nhóm hiểm họa vận chuyển	
Nhóm	Không có dữ liệu.
Nguy cơ phụ	-
Nhóm Hiểm Họa (ADR - Hiệp Ước Châu Âu Về Vận Chuyển Quốc Tế Hàng Hóa Nguy Hiểm Theo Đường Bộ)	Không có dữ liệu.

Mã hạn chế qua đường hàm	Không có dữ liệu.
Nhóm Đóng Gói	Không có dữ liệu.
Các hiểm họa cho môi trường	Không
Các biện pháp đề phòng đặc biệt cho người dùng	Không có dữ liệu.

Thông tin tổng quát Phân loại DOT chỉ áp dụng cho việc vận chuyển bên trong Hoa Kỳ và Puerto Rico.

15. Thông tin về quy định

Các quy định quốc gia

Hóa chất cấm (Nghị định 113/2017/ND-CP, Phụ lục III, ngày 9 tháng 10 năm 2017), đã sửa đổi

Không có trong danh mục.

Hóa chất Sản xuất & Kinh doanh có Điều kiện (Nghị định 113/2017/ND-CP, Phụ lục I, ngày 9 tháng 10 năm 2017), đã sửa đổi

Không có trong danh mục.

Hóa chất Phải Khai báo (Nghị định 113/2017/ND-CP, Phụ lục V, ngày 9 tháng 10 năm 2017), đã sửa đổi

Không được quy định.

CWC (Nghị định số 38/2014/ND-CP, về quản lý hóa chất thuộc diện kiểm soát của công ước Cấm Phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học, Bảng 1-3, ngày 6 tháng 5 năm 2014), đã sửa đổi

Không được quy định.

Tiền chất ma túy (Nghị định 82/2013/ND-CP về việc Ban hành các Danh mục Chất ma túy và Tiền chất IV, đã được sửa đổi bởi Nghị định 126/2015/ND-CP, ngày 9 tháng 12 năm 2015), đã sửa đổi

Không được quy định.

Các Yêu Cầu về Kế Hoạch Phòng Ngừa, Ứng Phó Sự Cố & An Toàn cho Hóa Chất Nguy Hại (Nghị định 113/2017/ND-CP, Phụ lục IV, Bảng 1, ngày 9 tháng 10 năm 2017), đã sửa đổi

Không có trong danh mục.

Các chất làm suy giảm tầng ô-dôn (ODS) (Thông tư Liên tịch số 14/2005/TTLT-BTM-BTNMT ngày 11 tháng 7 năm 2005), đã sửa đổi

Không được quy định.

Hóa chất Hạn chế Sản xuất & Kinh doanh (Nghị định 113/2017/ND-CP, Phụ lục II, ngày 9 tháng 10 năm 2017), đã sửa đổi

Không có trong danh mục.

Các quy định quốc tế

Tất cả các hóa chất trong sản phẩm HP này đã được thông báo hoặc miễn trừ thông báo theo các luật về thông báo hóa chất ở các quốc gia sau: Hoa Kỳ (TSCA), Liên minh Châu Âu (EINECS/ELINCS), Thụy Sĩ, Canada (DSL/NDL), Australia, Nhật Bản, Philippines, Hàn Quốc, New Zealand và Trung Quốc.

Hiệp Ước Stockholm

Không áp dụng.

Hiệp Ước Rotterdam

Không áp dụng.

Nghị định thư Montreal

Không áp dụng.

Nghị định thư Kyoto

Không áp dụng.

Hiệp Ước Basel

Không áp dụng.

16. Thông tin khác, kể cả ngày soạn thảo hoặc sửa đổi

Ngày Ban Hành	19-Tháng-Tám-2016
Ngày sửa đổi	08-Tháng-Bây-2020
Phiên bản số	04

Khước Từ Trách Nhiệm

Tài liệu Bảng Dữ liệu An toàn này được cung cấp miễn phí cho khách hàng của HP. Dữ liệu nằm trong phạm vi hiểu biết gần đây nhất của HP tại thời điểm viết tài liệu này và được coi là chính xác. Tài liệu này không được hiểu là đảm bảo các thuộc tính cụ thể của các sản phẩm như được mô tả hoặc tính thích hợp cho một ứng dụng cụ thể. Tài liệu này được viết theo các yêu cầu của phạm vi tài phán được chỉ định trong Mục 1 ở trên và có thể không đáp ứng các yêu cầu về quy định tại các quốc gia khác.

Bảng dữ liệu an toàn này có mục đích truyền tải thông tin về mực in HP (mực bột toner) có trong vật tư mực in gốc HP (mực bột toner). Nếu Bảng dữ liệu an toàn của chúng tôi được cung cấp cho bạn cùng với vật tư được nạp lại, sản xuất lại, tương thích hoặc không phải chính gốc HP, vui lòng lưu ý rằng thông tin trong tài liệu này không có ý nghĩa truyền tải thông tin về những sản phẩm như vậy và có thể có sự khác biệt đáng kể với thông tin trong tài liệu này và thông tin an toàn cho sản phẩm bạn đã mua. Vui lòng liên hệ với người bán vật tư được nạp lại, sản xuất lại hoặc tương thích để biết thông tin tương ứng, bao gồm thông tin về thiết bị bảo vệ cá nhân, các rủi ro phơi nhiễm và hướng dẫn xử lý an toàn. HP không chấp nhận vật tư được nạp lại, sản xuất lại hoặc tương thích trong các chương trình tái chế của chúng tôi.

Thông tin về sửa đổi

1. Lai lịch sản phẩm và công ty : EU Poison Center
Nhận dạng: Thông tin quan trọng
Nhận diện các hiểm họa: Công bố hiểm họa
Nhận diện các hiểm họa: Phòng Ngừa
Nhận diện các hiểm họa: Ứng phó
3. Cấu tạo / Thông tin về thành phần : Disclosure Overrides
Tính Chất Lý & Hóa: Đa Tính Chất
Thông tin về độc tính: Độc tính cấp tính
Thông tin về độc tính: Hít phải
Thông tin về độc tính: Tiếp xúc với da
Dữ Liệu Quy Định Về Hiểm Họa: Châu Âu - EU

Explanation of abbreviations

Hiệp Hội Vệ Sinh Công Nghiệp Hoa Kỳ (ACGIH)	American Conference of Governmental Industrial Hygienists
CAS	Chemical Abstracts Service
Đạo Luật Tổng Quát về Đối Phó Bồi Thường và Trách Nhiệm Môi Trường (CERCLA)	Đạo luật về Đền bù và Trách nhiệm Phản ứng với Môi trường Toàn diện
CFR	Bộ luật các quy định của liên bang
COC	Cốc Hờ Cleveland
Bộ Giao Thông Vận Tải (DOT)	Department of Transportation
EPCRA	Emergency Planning and Community Right-to-Know Act (aka SARA)
Cơ Quan Nghiên Cứu Ung Thư Quốc Tế (IARC)	International Agency for Research on Cancer
NIOSH	Viện An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp Quốc gia
Chương Trình Độc Chất Quốc Gia (NTP)	National Toxicology Program
Cơ Quan Quản Lý Sức Khỏe và An Toàn Nghề Nghiệp (OSHA)	Cơ quan Quản lý An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp
PEL	Giới hạn phơi nhiễm cho phép.
RCRA	Resource Conservation and Recovery Act
REC	Recommended
REL	Recommended Exposure Limit
SARA	Superfund Amendments and Reauthorization Act of 1986
STEL	Short-Term Exposure Limit
Thủ tục xác định độc tính nước rác(TCLP)	Quy trình lọc tính chất độc tính
TLV	Giá trị giới hạn ngưỡng
Đạo Luật Kiểm Soát Chất Độc (TSCA)	Toxic Substances Control Act
Hợp Chất Hữu Cơ Dễ Bay Hơi	Các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi